

TÁC ĐỘNG CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỚI BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM TRUNG BỘ

IMPACT OF ECONOMIC GROWTH ON INCOME INEQUALITY IN KEY ECONOMIC REGION OF THE CENTRAL

Phan Thăng An

Vụ Địa phương II; pta56789@yahoo.com.vn

Tóm tắt - Bất bình đẳng (BBĐ) thu nhập trong phát triển kinh tế đang là chủ đề đáng quan tâm của các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách. Sự gia tăng Bất bình đẳng thu nhập đã dẫn đến nhiều hậu quả kinh tế, xã hội. Tình trạng này do nhiều nguyên nhân mà trong đó có tăng trưởng kinh tế. Đánh giá được mức độ tác động của tăng trưởng kinh tế lên Bất bình đẳng thu nhập sẽ cho phép điều chỉnh chính sách tăng trưởng hợp lý hơn. Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu bằng cách kết hợp phương pháp phân tích định tính và định lượng. Phương pháp này dựa trên cơ sở áp dụng các phương pháp đã áp dụng trong kinh tế mà được khởi đầu bởi Kuznets (1955). Các số liệu của nghiên cứu được tổng hợp từ niên giám thống kê của các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ.

Từ khóa - tăng trưởng kinh tế; bất bình đẳng thu nhập; khoảng cách giàu nghèo; phân phối thu nhập; vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ.

Abstract - Income inequality in economic development is the subject of interest of researchers and policymakers. The increase in income inequality has led to many social and economic consequences. This situation has many causes and economic growth is one of them. Assessing the impact of economic growth on income inequality will help to adjust growth policies more reasonably. This article presents the results of research by combining qualitative and quantitative analysis. This method is based on the application of the method applied in economy that was started by Kuznets (1955). The research data was compiled from statistical yearbooks of the provinces in key economic region of the Central.

Key words - economic growth; income inequality; gap between the rich and the poor; distribution of income; key economic region of the central.

1. Đặt vấn đề

Các nghiên cứu trong kinh tế đều khẳng định tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa đều làm tăng BBĐ thu nhập và dường như hiện tượng này sẽ tăng dần trong giai đoạn đầu tăng trưởng kinh tế nhưng trong dài hạn hơn tình trạng này sẽ được cải thiện. Vùng KTTĐTB - vùng Trung Trung Bộ có 5 tỉnh thành phố, với dân số hơn 6,3 triệu người (7% dân số cả nước) và diện tích 27.884 km² (8,4% diện tích cả nước). Quy mô nền kinh tế của VKTTĐTB tăng nhanh. GDP của vùng tăng từ hơn 24 ngàn tỷ đồng (giá 1994) năm 2004 lên gần 79 ngàn tỷ đồng (giá 1994) năm 2013, tăng trung bình 13,8% năm. Trong thời gian này, BBĐ thu nhập ở khu vực này cũng tăng nhanh và rộng ở các tỉnh. Chỉ số GINI tăng liên tục từ mức 0,306 năm 2001 lên mức 0,331 năm 2013, tăng tuyệt đối là 0,025 tức khoảng 8,3% trong 13 năm qua và khoảng cách giàu nghèo tăng từ mức 5,21 lần năm 2001 tăng lên 6,58 lần năm 2013 (+ 1,37). Điều này cũng cho thấy BBĐ thu nhập tăng cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế ở đây. BBĐ thu nhập trong quá trình phát triển của một quốc gia có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó có cả tăng trưởng kinh tế. Nhưng mức độ tác động thế nào là câu hỏi mà cần có câu trả lời. Nếu trả lời chính xác mới có thể có những chính sách điều chỉnh tăng trưởng kinh tế trong mối quan hệ với giải quyết BBĐ thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Đó chính là lý do của nghiên cứu này.

2. Tổng quan lý luận về tác động của tăng trưởng kinh tế tới bất bình đẳng thu nhập

Nghiên cứu của David Ricardo (1817) tuy không bàn trực tiếp nhưng theo quan điểm của ông khi lao động dư thừa ở nông thôn chuyển từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp do giới hạn ruộng đất, năng suất nông nghiệp tăng và cầu lương thực phẩm co dẫn thấp sẽ nhận lương thấp hơn so với lao động khu vực công nghiệp. Khi đó sẽ xuất hiện bất bình đẳng

thu nhập. Trong lý thuyết của Lewis. A. W. (1954) trong giai đoạn đầu khi lao động dịch chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp giúp khu vực này mở rộng quy mô sản xuất. Nhưng xu hướng tăng lương cho lao động di chuyển lên giúp họ chuyển từ mức sống thấp sang mức sống gần với mức của khu vực thành thị. Trong nghiên cứu này, tác giả đã chỉ ra xu thế tác động dương của tăng trưởng tới BBĐ thu nhập lúc đầu và tăng dần sau đó giảm dần trong quá trình phát triển. Nghiên cứu của Kuznets (1955) cho thấy các nước kém phát triển thường không có tầng lớp trung lưu, có nghĩa là hầu hết người dân sống dưới xa mức thu nhập trung bình trong khi một nhóm nhỏ nhận thu nhập tương đối cao. Các nước phát triển thường có một nhóm lớn nhận mức thu nhập vượt quá mức trung bình và một nhóm giàu nhất. Điều này hàm ý bất bình đẳng cao ở các nước kém phát triển so với những nước phát triển hơn. Từ đó dẫn tới những khẳng định của ông: (i) Bất bình đẳng cao hơn trong phân phối thu nhập gắn liền với thu nhập trung bình đầu người thấp hơn. Tiết kiệm khan hiếm hơn ở các nước kém phát triển so với các nước phát triển. Chỉ một nhóm nhỏ thật sự có khả năng tiết kiệm. Điều này có lẽ giải thích sự thiếu vắng tầng lớp trung lưu trong cơ cấu thu nhập ở các nước kém phát triển; (ii) Trước đây, các nước kém phát triển bắt đầu tại cùng mức độ GDP bình quân đầu người giống như các nước phát triển từng trải qua. Bởi vậy cơ cấu thu nhập BBĐ ở các nước đang phát triển đi cùng với tỷ lệ tăng trưởng thấp thu nhập bình quân; Đồng thời ông cũng khẳng định xu hướng BBĐ trong dài hạn trước khi có thể giảm ở các nước này. Có thể khái quát những lập luận của Kuznets về xu hướng thay đổi của BBĐ thu nhập một cách ngắn gọn. Đó là bất bình đẳng bắt đầu mở rộng vào thời kỳ đầu của công nghiệp hóa cho đến khi công nghiệp hóa đạt trạng thái ổn định và sự suy giảm bất bình đẳng xuất hiện và được thể hiện bằng đường cong Kuznets.

Từ nghiên cứu của Kuznets (1955) nhiều nghiên cứu khác cũng được phát triển nhất định không chỉ tập trung vào việc

ngghiên cứu các nguyên nhân cho mối quan hệ giữa tăng trưởng và sự bất bình đẳng mà còn làm rõ xu hướng tác động của tăng trưởng tới BBD thu nhập. Kravis. IB. (1960) khẳng định rằng sự gia tăng BBD trong thu nhập là điều không thể tránh khỏi trong giai đoạn đầu của sự phát triển. Trong khi đó, việc tăng trưởng kinh tế liên tục sẽ tạo thêm được nhiều việc làm hơn, phân phối thu nhập sẽ được cải thiện và điều này thực sự có thể làm giảm bất bình đẳng chung cho xã hội. Đồng thời ông cũng đồng tình với kết luận của Kuznets khi cho rằng bất bình đẳng tại các nước đang phát triển cao hơn so với các nước phát triển. Ahluwalia. M.S. (1976) đã tiến hành một nghiên cứu ở 60 quốc gia, ông đã chia thành các nhóm dân cư khác nhau và bắt đầu với 20% giàu nhất, sau đó là 40% người nghèo nhất và cuối cùng là 20% trung bình. Thông qua đó, Ahluwalia khẳng định lại kết luận của Kuznets khi cho rằng bất bình đẳng có xu hướng giảm đi sau khi nền kinh tế phát triển. Li. Squire and Zou (1998) đã thực hiện nghiên cứu của mình và kết quả cho thấy sự gia tăng bất bình đẳng là điều không thể tránh khỏi trong giai đoạn đầu của sự tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên giai đoạn sau đó thì BBD không có xu hướng đảo chiều như mô hình của Kuznets. Lập luận này đã được khẳng định và bổ sung bởi Deininger và Squire (1996-1998). Nasfi Fkili Wahiba (2014) khi nghiên cứu tác động của tác động của tăng trưởng kinh tế tới tới BBD thu nhập đưa một số nhân tố khác ngoài yếu tố tăng trưởng kinh tế vào mô hình phân tích. Các nhân tố đó là độ mở nền kinh tế, tỷ suất sinh, khối lượng tiền tệ, tỷ lệ nhập học... Xu hướng mối quan hệ giữa tăng trưởng và BBD thu nhập cũng có kết quả như của Kuznets (1955) và hai yếu tố độ mở nền kinh tế, tỷ suất sinh có tác động dương còn lại là âm.

Ở Việt Nam cũng có một số nghiên cứu về xu hướng thay đổi của BBD thu nhập ở Việt Nam. Vũ Thị Hương (2008) khi đánh giá mối quan hệ giữa tăng trưởng và BBD thu nhập ở Việt Nam đã khẳng định xu thế tăng trưởng tác động dương tới bất bình đẳng tăng trong giai đoạn 1999-2004. Nguyễn Thanh Sơn (2010) nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng và BBD thu nhập ở Việt Nam khi sử dụng số liệu các tỉnh từ 1998-2006 cũng khẳng định BBD tăng cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế.

Nhìn chung đối với các nước đang phát triển xu hướng biến động của BBD thu nhập đều cho thấy rõ, dường như hiện tượng này sẽ tăng dần trong giai đoạn đầu tăng trưởng kinh tế và được cải thiện hơn trong dài hạn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Số liệu thứ cấp từ Niên giám thống kê của các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ như Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định được ban hành và công bố bởi Cục Thống kê các tỉnh này. Riêng số liệu thu nhập trung bình của các hộ dân cư theo 5 nhóm thu nhập được hình thành từ số liệu từ niên giám thống kê các tỉnh và số liệu điều tra mức sống hộ dân cư của Tổng cục Thống kê.

Trong nghiên cứu này sẽ sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để đạt được các mục tiêu đề ra:

Phương pháp xác định BBD thu nhập là phương pháp xác định khoảng cách giàu nghèo và hệ số GINI. Khoảng cách giàu nghèo là hệ số đo bằng tỷ lệ giữa thu nhập của 20% người giàu nhất với thu nhập của 20% người nghèo nhất. Hệ số Gini được xác định theo công thức sau:

$$G = 1 + \frac{1}{n} + \frac{1}{n^2 y} [y_1 + 2y_2 + 3y_3 + \dots + ny_n]$$

Trong đó y_i là thu nhập của các nhóm hộ theo thứ tự giảm dần và $\bar{y}$ là thu nhập bình quân của các hộ và n là số nhóm hộ.

Phương pháp phân tích tác động của tăng trưởng tới BBD thu nhập được hình thành nhờ tổng kết phương pháp nghiên cứu như Bảng 1 dưới.

Bảng 1. Tổng kết một số phương pháp nghiên cứu

Tác giả	Phương pháp nghiên cứu	Tác động từ tăng trưởng kinh tế	Số liệu
Kuznets (1955)	OLS	Tác động dương	Các nước
Barro. R. (2000)	Tác động ngẫu nhiên	Tác động dương	Bảng
Nasfi Fkili Wahiba (2014)	OLS	Tác động dương	Chéo
Vũ Thị Hương (2008)	OLS	Tác động dương	Chéo các tỉnh
Nguyễn Thanh Sơn (2010)	OLS	Tác động dương	Chéo các tỉnh

Từ tổng kết các mô hình nghiên cứu trên, có thể hình thành mô hình phân tích các nhân tố tác động tới BBD thu nhập dưới đây:

$$\text{Inequality}_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \ln(\text{pegdp}_{i,t}) + \beta_2 (\text{gdp}/\text{GDP}_{i,t}) + \beta_3 \text{GBsoDS}_{i,t} + \beta_4 \text{tyleNgheo}_{i,t} + u_{i,t} \quad (1)$$

Trong đó:

- $\text{Inequality}_{i,t}$ là biến đại diện cho BBD thu nhập của tỉnh i năm t và được xác định bằng $\ln \text{GINI}$;

- $\text{pegdp}_{i,t}$ là biến đại diện cho tăng trưởng kinh tế bằng GDP/người của tỉnh i năm t ;

- $\text{gdp}/\text{GDP}_{i,t}$ là biến đại diện cho vị trí của tỉnh i trong sự phát triển của VKTTĐTB năm t ;

- $\text{GBsoDS}_{i,t}$ là biến đại diện sự phát triển xã hội được xác định bằng số giường bệnh/10.000 dân;

- $\text{tyleNgheo}_{i,t}$ là tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh i năm t .

4. Kết quả nghiên cứu

Tình hình tăng trưởng kinh tế tại VKTTĐTB

Sản lượng GDP của vùng đã tăng liên tục theo giá 1994 năm 2000 là 14,5 ngàn tỷ đồng, năm 2005 là hơn 24 ngàn tỷ đồng, năm 2010 là 43,6 ngàn tỷ đồng và 2013 là 60,5 ngàn tỷ đồng. Sau 14 năm quy mô nền kinh tế đã tăng hơn 4 lần. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật 70 trong Kinh tế học phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng tăng, năm thấp nhất 2001 là 8,5% và cao nhất năm 2010 là 15,9% trung bình thời kỳ 2000-2013 là 11,5%, cao hơn mức trung bình của Việt Nam là 7%. Nhìn chung xu hướng dốc lên theo thời gian.

Tốc độ tăng trưởng trung bình của VKTTĐTB cao nhất giai đoạn 2006-2010 là khoảng 12,7%, thấp nhất giai đoạn 2011-2013. Xu thế này gần với xu thế tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong các giai đoạn này. Nếu xem xét cùng với tỷ lệ tăng trưởng của các tỉnh trong vùng cho thấy tỷ lệ tăng trưởng có giá trị trung tâm giữa các giá trị tỷ lệ tăng trưởng trung bình của các tỉnh trong vùng này. Tăng trưởng của các tỉnh đều cao từ gần 10% đến gần 14% (trừ Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2010 do tác động từ sản lượng của Nhà máy lọc dầu Dung Quất). Nếu kết hợp với số liệu về cơ cấu của các

tính trong GDP và trong tăng trưởng kinh tế phần dưới sẽ thấy rằng các tỉnh là động lực đang có tăng trưởng chậm lại.

Nhìn chung, xu thế tăng trưởng kinh tế của VKTTĐTB và từng địa phương thể hiện (i) tích cực: đang dốc lên và khá ổn định; (ii) khiếm khuyết: tăng trưởng kinh tế của vùng và các tỉnh đã chậm lại, các động lực của tăng trưởng đang yếu dần và cần phải có những cú hích mới cho các động lực của nền kinh tế.

Tình hình BBĐ thu nhập tại VKTTĐTB

Phân phối thu nhập ở các tỉnh VKTTĐTB đang khiến cho khoảng cách chênh lệch giàu nghèo ở đây đang tăng lên hay dân cách giàu nghèo đang tăng. Khoảng cách giàu nghèo của vùng tăng từ mức 5,21 lần năm 2001 lên 6,58 lần năm 2013 (+ 1,37). Trong đó Quảng Nam là tỉnh có khoảng cách giàu nghèo tăng nhanh nhất, từ mức 4,67 lần năm 2001 tăng lên 6,88 lần năm 2013 (+ 2.21); tăng chậm nhất là Thừa Thiên Huế từ mức 5,97 lần năm 2001 tăng lên 6,55 lần năm 2013 (+ 0,58). Như vậy, dân cách giàu nghèo tiếp tục diễn ra nhanh ở tất cả các tỉnh, cả vùng và cùng một xu hướng tuy có mức độ khác nhau.

Số liệu chung của VKTTĐTB ở cột cuối cùng cho thấy GINI tăng liên tục từ 2001 từ mức 0,306 năm 2001 lên mức 0,331 năm 2013, hay tăng tuyệt đối là 0,025 tức khoảng 8,3% trong 13 năm qua. Điều này hàm ý BBĐ thu nhập đang tăng nhanh ở VKTTĐTB trong những năm qua. Trong các địa phương, tỉnh Quảng Ngãi có mức tăng GINI cao nhất, từ mức 0,292 năm 2001 đã tăng lên 0,336 năm 2013, hay tăng 0,044 tương đương với 14,9%. Tỉnh có GINI tăng thấp nhất là Thừa Thiên Huế, chỉ số này chỉ tăng tuyệt đối 0,01 tương đương với 0,3% trong thời gian này. Các tỉnh còn lại GINI tăng ở mức từ hơn 6 tới 13,5%. Xu hướng tăng dần của hệ số GINI trong những năm qua ở VKTTĐTB và các tỉnh đã hàm ý rằng BBĐ thu nhập đã tăng liên tục ở tất cả các địa phương ở đây tuy mức độ có sự khác nhau.

Bảng 2. hệ số GINI ở VKTTĐTB

	TT Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	VKTT ĐTB
2001	0,332	0,312	0,287	0,292	0,297	0,306
2002	0,339	0,313	0,292	0,299	0,311	0,312
2003	0,330	0,314	0,301	0,302	0,322	0,314
2004	0,323	0,314	0,308	0,305	0,329	0,316
2005	0,329	0,315	0,311	0,312	0,331	0,320
2006	0,334	0,316	0,314	0,318	0,333	0,323
2007	0,344	0,325	0,318	0,317	0,334	0,328
2008	0,351	0,331	0,321	0,316	0,335	0,332
2009	0,340	0,347	0,325	0,325	0,339	0,337
2010	0,332	0,358	0,328	0,331	0,342	0,341
2011	0,335	0,346	0,326	0,333	0,332	0,336
2012	0,337	0,338	0,325	0,334	0,326	0,333
2013	0,333	0,341	0,326	0,336	0,316	0,331

(Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê các tỉnh VKTTĐTB và số liệu Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam)

Bảng 3. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

	GINI	pergdp	GBsDS	gdp/GDP	Tyle Ngheo	lnGINI	lny
Trung bình	0,32	5,68	2,544	0,20	19,5	-1,12	1,61

Độ lệch chuẩn	0,01	2,89	1,199	0,03	9,48	0,04	0,50
Tối thiểu	0,28	2,05	0,551	0,14	1,10	-1,24	0,72
Tối đa	0,35	14,62	5,034	0,26	36,3	-1,02	2,68

(Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê các tỉnh VKTTĐTB và số liệu Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam)

Nếu xem xét biến động của GINI cùng với tình hình tăng trưởng GDP của VKTTĐTB sẽ thấy BBĐ thu nhập ở đây đã tăng cùng chiều với quá trình tăng trưởng. Điều này cũng phù hợp với xu hướng lý thuyết đã trình bày ở phần trên.

Tác động của tăng trưởng tới BBĐ thu nhập Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ

Kết quả thống kê mô tả cho thấy số liệu được thu thập có thể tin cậy được để sử dụng cho việc phân tích.

Đánh giá tác động theo phương pháp OLS bằng dữ liệu chéo

Áp dụng mô hình (1) với dữ liệu chéo các tỉnh ở VKTTĐTB kết quả ước lượng dưới đây:

Các kiểm định: Thứ nhất; Qua kết quả phân tích sau.vì $F = 33,71$ và $P(F) = 0,000 < 0,05$ nên có thể khẳng định tồn tại mối quan hệ giữa các biến $\ln \text{gini}_{it}$, $\ln(\text{pegdp}_{it})$, GBsoDS_{it} , tyleNgheo_{it} . Tức là mô hình phù hợp. Thứ hai; Giá trị prod của kiểm định Breusch – Pagan là $0,2567 > 0,05$ cho phép kết luận mô hình không tồn tại hiện tượng phương sai không đồng nhất. Thứ ba; các giá trị VIF gắn với các biến giải thích (biến độc lập) đều nhỏ hơn 10 cho thấy mô hình không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến. Thứ tư; các kiểm định t với kết quả tại biểu Coefficients, tất cả các giá trị Sig. = p(t) tương ứng với các biến $\ln(\text{pegdp}_{it})$, $\ln(\text{gdp}/\text{GDP}_{it})$, GBsoDS_{it} , tyleNgheo_{it} đều có ý nghĩa thống kê ở mức 0,05. Do đó có thể thấy các kiểm định thỏa mãn và có ý nghĩa thống kê.

Từ đó có thể xác định mô hình thực tế như sau:

$$\ln \text{gini}_{it} = -1,023 + 0,73 * \ln(\text{pegdp}_{it}) - 0,448 * (\text{gdp}/\text{GDP}_{it}) - 0,0269 * \text{GBsoDS}_{it} - 0,0032 * \text{tyleNgheo}_{it} \quad (11)$$

Kết quả theo phương pháp này chỉ ra tác động dương từ tăng trưởng kinh tế tới BBĐ thu nhập, nghĩa là tăng trưởng kinh tế làm cho BBĐ thu nhập tăng lên. Các biến còn lại có tác động âm.

Đánh giá tác động theo phương pháp tác động ngẫu nhiên (Random effects)

Kết quả ước lượng cho thấy các giá trị Prob của mô hình tác động ngẫu nhiên đều nhỏ hơn 0,05. Với mức ý nghĩa 5% này có thể sử dụng cả mô hình tác động ngẫu nhiên để đánh giá tác động của tăng trưởng tới BBĐ thu nhập. Có thể mô tả các mô hình thực tế như sau:

$$\ln \text{gini}_{it} = -0,023 + 0,73 * \ln(\text{pegdp}_{it}) - 0,448 * (\text{gdp}/\text{GDP}_{it}) - 0,0269 * \text{GBsoDS}_{it} - 0,0032 * \text{tyleNgheo}_{it}$$

Theo phương pháp này cũng cho thấy tác động tăng trưởng kinh tế làm cho BBĐ thu nhập cao hơn và các biến khác tác động làm giảm BBĐ thu nhập. Riêng tỷ lệ nghèo giảm làm BBĐ thu nhập tăng hay tỷ lệ hộ nghèo thấp sẽ bao gồm những hộ có thu nhập thấp hơn những nhóm khác. Có thể trình bày những kết quả trên trong Bảng 4:

Bảng 4. Các hệ số ước lượng bằng các phương pháp khác nhau

	Phương pháp	
	OLS	Random effects
Biến phụ thuộc lngini		
Ln(pergdp)	+ 0,73 (0,01243)***	+ 0,73 (0,0143)***
gdp/GDP	- 0,448 (0,0965)***	- 0,448 (0,0996)***
GBsoDS	- 0,0269 (0,00472)***	- 0,0269 (0,00544)***
tylENGHEO	- 0,0032 (0,0005)***	- 0,0032 (0,0006)***
Số quan sát	65	65
R ²	0,692	0,692

Với kết quả này đã cho thấy tăng trưởng kinh tế tại VKTTĐTB làm tăng BBĐ thu nhập ở đây. Kết quả này cũng như kết quả các nghiên cứu đã nêu ở mục trên. Các biến khác có tác động nghịch biến như quy mô kinh tế của tỉnh trong vùng tăng lên, số bác sỹ trên 10.000 dân hay dịch vụ y tế tốt hơn sẽ cho phép giảm BBĐ thu nhập. Điều này cũng hàm ý rằng khi quy mô kinh tế lớn hơn và phát triển dịch vụ y tế cho phép cải thiện tình hình BBĐ thu nhập ở đây. Riêng biến tỷ lệ hộ nghèo tác động âm có nghĩa tỷ lệ hộ nghèo giảm dần trong những năm qua nhưng kéo theo BBĐ thu nhập cao hơn.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Các kết luận của phân tích đánh giá bao gồm:

Thứ nhất, bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế là hai hiện tượng đi liền với nhau trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia.

Thứ hai, các nghiên cứu ở nhiều nước nhất là đối với các nước đang phát triển về xu hướng tác động của tăng trưởng tới BBĐ thu nhập đều chỉ ra đây tác động là thuận chiều và dường như hiện tượng này sẽ tăng dần trong giai đoạn đầu tăng trưởng kinh tế nhưng trong dài hạn hơn tình trạng này sẽ được cải thiện.

Thứ ba, tình trạng BBĐ thu nhập tại VKTTĐTB và các tỉnh ở đây đều đã tăng liên tục từ năm 2001 tới năm 2013 và khoảng cách BBĐ thu nhập ngày càng có xu hướng dẫn rộng theo quá trình tăng trưởng. Khoảng cách thu nhập có xu hướng dẫn rộng nhưng thu nhập trung bình của tất cả các nhóm dân cư đều tăng nhưng thu nhập của nhóm nghèo nhất tăng chậm hơn.

Thứ tư; Tăng trưởng kinh tế tại VKTTĐTB đang làm cho BBĐ thu nhập cao hơn trong khoảng 13 năm. Nhưng khoảng thời gian này chỉ mang tính ngắn hạn nên chưa thể kết luận trong dài hạn diễn biến thế nào cho dù các nghiên cứu lý thuyết đều khẳng định xu hướng này sẽ giảm. Cải thiện chính sách xã hội như y tế sẽ cải thiện tình trạng BBĐ thu nhập khi những người nghèo ở đây đang có thu nhập ngày càng thấp hơn mức chung của xã hội khiến khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người nghèo thấp hơn và khó thoát khỏi vòng luẩn quẩn nghèo đói.

5.2. Hàm ý chính sách

Các hàm ý chính sách có thể rút ra là:

Thứ nhất, xu thế BBĐ thu nhập tăng theo quá trình tăng trưởng trong ngắn hạn thường ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa của các nền kinh tế;

Thứ hai, cần nhận thức được tình trạng BBĐ thu nhập tăng lên theo tác động của tăng trưởng kinh tế là thực tế; chấp nhận hiện tượng này để có chính sách giải quyết những tác động tiêu cực của nó. Cần tránh tư tưởng sợ BBĐ thu nhập tăng mà hạn chế tăng trưởng kinh tế, kìm hãm khả năng làm giàu chính đáng của người dân nhất là doanh nghiệp.

Thứ ba, trong bối cảnh các tỉnh trong VKTTĐTB cần có những chính sách kinh tế phù hợp để tiếp tục kích thích tăng trưởng kinh tế qua đó có thể duy trì và tăng nhanh thu nhập của tất cả các nhóm dân cư. Trong việc lựa chọn chính sách thích hợp nhất hiện nay là tăng trưởng kèm với giải quyết vấn đề xã hội. Nghĩa là các chính sách này cần (i) kích thích những người có năng lực tài chính, vốn nhân lực... làm giàu hơn mà quan trọng nhất là thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp trong mọi thành phần kinh tế và (ii) tạo điều kiện cho những nhóm yếu thế- người nghèo có thể tiếp cận nguồn lực và nâng cao năng lực của họ để có thể tự mình có được thu nhập ngày càng cao nhờ thích ứng tốt hơn với môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

Thứ tư, các tỉnh trong VKTTĐTB cần có những chính sách xã hội phù hợp hơn không chỉ để bảo đảm phân phối lại thu nhập tốt hơn mà còn cải thiện và giúp cho người nghèo nhiều cơ hội để hưởng thụ các dịch vụ xã hội với chất lượng ngày càng cao, trong đó đặc biệt là dịch vụ y tế, giáo dục đào tạo và an sinh xã hội. Các chính sách này cũng cần phải tính tới khả năng huy động các nguồn lực của xã hội như sự đóng góp của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước. Đồng thời với đó cần phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong và ngoài hệ thống chính trị ở Việt Nam.

Thứ năm, các tỉnh trong VKTTĐTB cần có sự phối hợp và liên kết các chính sách kinh tế xã hội để bảo đảm sự phát triển cao ở tất cả các tỉnh. Rất khó có thể giải quyết được BBĐ thu nhập trong tăng trưởng của một địa phương khi các địa phương khác không thực hiện tốt do hiệu ứng từ di dân giữa các tỉnh dưới tác động của sự chênh lệch thu nhập và điều kiện sống giữa họ. Các chính sách này cần có sự thống nhất cao, sự phân công và hợp tác với nhau giữa các tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ahluwalia. M.S (1976) Inequality. Poverty and Development. *Journal of Development Economics* 3(4). 3007-342
- [2] Deininger.K., Squire. L. (1998). New way of Looking at old Issues: Inequality and Growth. *Journal of Development Economics*. 57(2). 159-287.
- [3] Kravis. IB. (1960) International differences in the Distribution of income. *Review of economics and statistics*. 32(4). 408-416
- [4] Lewis. A. W. (1954). Economic Development with Unlimited Supplies of Labour. *The Manchester School*. 22 (2). 1954. pp.139-191.
- [5] Li. Squire and Zou (1998). Explaining International and Variations in Income Inequality Intertemporal. *Economic Journal*. 108(446). 26-43.
- [6] Nasfi Fkili Wahiba (2014). The Relationship Between Economic Growth and Income Inequality. *International Journal of Economics and Financial Issues Vol. 4*. No. 1. 2014. pp.135-143
- [7] Nguyễn Thanh Sơn (2010). Tăng trưởng và bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế* số 387 – 8/2010.
- [8] Simon Kuznets (march. 1955). Economic growth and income inequality. *The American economic Review* 1955 (1)
- [9] Torado.M.P. Economics for a Third World. Third edition. Publishers Longman 1995.
- [10] Vũ Thị Hương (2008). Mối quan hệ nhân quả giữa tăng trưởng và bất bình đẳng thu nhập nhìn từ góc độ mô hình kinh tế lượng. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán* số 4(57) – 2008.